| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 - TH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số:02/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 24 - 7 - 2025<br>V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Xuân Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2025.

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1999

Đăng ký thường trú tại: Làng B, Xã NA, tỉnh TH.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số nhà S, tổ dân phố X, xã AS, tỉnh NA.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Làng B, Xã NA, tỉnh TH.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H đều vắng mặt. Chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:* Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào đầu năm 2017 nhưng do bận công việc nên đến ngày 22/01/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã NA, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ

chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không còn tiếng nói chung, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ cuối năm 2021 cho đến nay chị và anh H sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là Phạm Ngọc D; sinh ngày 08/11/2017, hiện nay cháu D đang ở với anh H. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Phạm Ngọc D cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai gửi cho Tòa án bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:* Anh và chị Bùi Thị T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào đầu năm 2017 nhưng do bận công việc nên đến ngày 22/01/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã NA, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ đầu năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nếu chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T có 01 con chung là Phạm Ngọc D; sinh ngày 08/11/2017. Hiện tại cháu D đang ở với anh. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến tuổi thành niên, anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn H thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử cho chị Bùi Văn Tuyên được ly hôn với anh

Phạm Văn H. Vợ chồng có một con chung là Phạm Ngọc D; sinh ngày 08/11/2017. Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc nuôi con chung, giao cháu Phạm Ngọc D cho anh Phạm Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn H. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Văn H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh Phạm Văn H đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng anh H không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Bùi Thị T và Phạm Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã NA, tỉnh TH vào ngày 22/01/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều thừa nhận: Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng kéo dài từ cuối năm 2021 cho đến nay. Việc này đã được chính quyền Ủy ban nhân dân xã xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T và Phạm Văn H có 01 con chung Phạm Ngọc D; sinh ngày 08/11/2017. Ly hôn chị T và anh H đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Phạm Ngọc D cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con, cũng theo nguyện vọng của cháu Phạm Ngọc D, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự và nguyện

vọng của con, giao cháu Phạm Ngọc D cho anh Phạm Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H thống nhất giao con cho anh Phạm Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị Bùi Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị T và Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không  xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147;227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ:  Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc D; sinh ngày 08/11/2017 cho anh Phạm Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Chị Bùi Thị T được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Anh Phạm Văn H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 07 năm 2025 cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng án phí chị T phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm

nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007599 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - TH)

Chị Bùi Thị T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T và anh H. Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã NA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Xuân Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Trung Thành** **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Đăng Thảnh** **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Triệu Kim Bình** **Phạm Thị Diệu** **Phạm Xuân Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Trung Thành** **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Trung Thành** **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**